

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/15

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Seltima

Sử dụng: Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, thuốc diệt nấm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Độc đối với quá trình sinh sản: Cat.2 (thai nhi)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.1
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.1

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025



Cảnh báo:

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H361	Nghi ngờ làm tổn thương thai nhi.
H400	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H410	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P101	Nếu cần tư vấn y tế, nên đem theo hộp đựng hay nhãn sản phẩm.
P102	Tránh xa tầm tay trẻ em.
P103	Đọc nhãn sản phẩm trước khi sử dụng.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ/ quần áo bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt.
P201	Xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202	Không sử dụng cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ các lưu ý an toàn.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P391	Thu gom tràn đổ.
P308+P313	Nếu đã tiếp xúc hoặc nghi ngờ tiếp xúc: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi bảo quản:

P405	Kho lưu trữ khóa kín.
------	-----------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Có thể tạo ra phản ứng mẫn cảm/ dị ứng. Bao gồm:

HEXAMETHYLENE DIISOCYANATE, OLIGOMERS, 2,2'-iminodi(ethylamine), 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one, 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, thuốc diệt nấm, huyền phù hòa tan

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

| Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Hàm lượng (W/W): 9.5 %
 Số CAS: 175013-18-0

Acute Tox.: Cat. 3 (Hô hấp - sương)
 Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
 Kích ứng da: Cat. 2
 Repr.: Cat. 2 (thai nhi)
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)
 STOT RE (gan, khoang mũi, ống dạ dày-ruột):
 Cat. 2
 Aquatic Acute: Cat. 1
 Aquatic Chronic: Cat. 1
 M- nhân tố cấp tính: 100
 M- nhân tố mãn tính: 100

| Alcohols, C8-C10, ethoxylated, propoxylated (polymer)

Hàm lượng (W/W): < 15 %
 Số CAS: 68603-25-8

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)
 Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A
 Skin Corr./Irrit.: Cat. 2
 Aquatic Acute: Cat. 3

| solvent naphtha

Hàm lượng (W/W): < 15 %
 Số CAS: 64742-94-5

Asp. Tox.: Cat. 1
 Aquatic Acute: Cat. 2
 Aquatic Chronic: Cat. 2

| Glycerol

Hàm lượng (W/W): < 10 %
 Số CAS: 56-81-5

Acute Tox.: Cat. 5 (Hô hấp - hơi nước)

| (OLIGOMER) Hexamethylene diisocyanate isocyanurate-type oligomers

Hàm lượng (W/W): < 5 %
 Số CAS: 28182-81-2

Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - sương)
 Skin Sens.: Cat. 1
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)

| Alcohols, C12-18, ethoxylated propoxylated

Hàm lượng (W/W): < 5 %
 Số CAS: 69227-21-0

Aquatic Acute: Cat. 2

| 2,2'-iminodi(ethylamine)

Hàm lượng (W/W): < 1 %
 Số CAS: 111-40-0

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
 Acute Tox.: Cat. 2 (Hô hấp - sương)
 Acute Tox.: Cat. 4 (trên da)
 Ăn mòn da: Cat. 1B
 Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat. 1
 Skin Sens.: Cat. 1B
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)
 Aquatic Acute: Cat. 3

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1,2-benzisothiazol-3(2H)-one

Hàm lượng (W/W): < 0.01 %
 Số CAS: 2634-33-5

Acute Tox.: Cat. 2 (Hô hấp - bụi)
 Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
 Kích ứng da: Cat. 2
 Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat. 1
 Skin Sens.: Cat. 1A
 Aquatic Acute: Cat. 1
 Aquatic Chronic: Cat. 1
 M- nhân tố cấp tính: 1
 M- nhân tố mãn tính: 1

2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Hàm lượng (W/W): < 0.01 %
 Số CAS: 2682-20-4

Acute Tox.: Cat. 2 (Hô hấp - bụi)
 Acute Tox.: Cat. 3 (tiếp xúc miệng)
 Acute Tox.: Cat. 3 (trên da)
 Ăn mòn da: Cat. 1B
 Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat. 1
 Skin Sens.: Cat. 1A
 Aquatic Acute: Cat. 1
 Aquatic Chronic: Cat. 1
 M- nhân tố cấp tính: 10
 M- nhân tố mãn tính: 1

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
 Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
 Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
 Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
 Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
 Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
 Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
 Những mối nguy hiểm: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
 Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
bột khô, bọt, Phun nước, cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:
carbon monoxide, carbon dioxide, hydrogen chloride, các oxit nitơ, các hợp chất halogen hóa, các oxit sulfur, hợp chất silic, isocyanate
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:
Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ Giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước nếu tiếp xúc với lửa.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:
Không hít thở hơi/bụi nước Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:
Không thải vào tầng đất nền/đất. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát)
Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.
Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín. Lau dọn sàn và vật nhiễm bẩn với nước và chất tẩy vết bẩn, tuân thủ các quy định về môi trường. Sử dụng trang thiết bị BHLĐ thích hợp.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Không cần thiết có các biện pháp đặc biệt nếu được cất trữ và sử dụng đúng. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hóa chất Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

Phòng chống cháy nổ:
Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Chất/sản phẩm không cháy. Sản phẩm không phải là chất nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Tính ổn định lưu trữ:

Thời gian lưu trữ: 36 Months

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: 0 °C

Những thay đổi các thuộc tính của sản phẩm có thể xảy ra nếu chất/sản phẩm được cất trữ dưới nhiệt độ cho trước trong thời gian kéo dài.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 35 °C

Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

| solvent naphtha, 64742-94-5;

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV), không phải dạng aerosol (sol khí)

Đo được khi: tổng chất bay hơi hữu cơ

Nguy cơ hấp thụ qua da

Giá trị TWA 200 mg/m³ (ACGIHTLV), không phải dạng aerosol (sol khí)

Đo được khi: tổng chất bay hơi hữu cơ

Ứng dụng bị hạn chế khi điều kiện tiếp xúc với aerosol ít.

| Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester, 175013-18-0;

Giá trị TWA 0.13 mg/m³ ()

| Naphthalene, 1-methyl-, 90-12-0;

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV)

Nguy cơ hấp thụ qua da

(ACGIHTLV)

Giá trị TWA 0.05 ppm (ACGIHTLV)

| Naphthalene, 2-methyl-, 91-57-6;

Giá trị TWA 0.5 ppm (ACGIHTLV)

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV)

Chất có thể được hấp thụ qua da.

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV)

Nguy cơ hấp thụ qua da

(ACGIHTLV)

Giá trị TWA 0.05 ppm (ACGIHTLV)

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc kết hợp dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ, vô cơ, acid vô cơ và kiềm (vd. EN 14387 Loại ABEK).

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Những công bố về thiết bị bảo hộ cá nhân trong các hướng dẫn sử dụng áp dụng khi xử lý các tác nhân bảo vệ mùa màng trong các bao bì tiêu dùng cuối cùng. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc Cát trữ riêng biệt áo quần làm việc. Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	màu be nhạt
Mùi:	mùi thơm nhẹ
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.

Giá trị pH:	tương đương 6 - 8 (20 °C)
-------------	------------------------------

Nhiệt độ nóng chảy.:	tương đương 0 °C
nhiệt độ sôi:	Thông tin áp dụng đối với dung môi. tương đương 100 °C Thông tin áp dụng đối với dung môi.

Điểm chớp cháy:	Không dễ cháy.
-----------------	----------------

Tốc độ bay hơi:	không áp dụng
-----------------	---------------

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không áp dụng
Giới hạn nổ dưới (LEL):	

Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Giới hạn nổ trên (UEL):

Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.

Nhiệt độ tự cháy: tương đương 438 °C (Chỉ thị 92/69/EEC, A.15)

Phân huỷ do nhiệt: 145 °C , 130 kJ/kg

360 °C , 160 kJ/kg

Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1
 Nguy cơ nổ: Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ. (Chỉ thị 92/69/EEC, A.14)

Những đặc tính làm tăng cháy: không cháy lan (Chỉ thị 2004/73/EC, A.21)

Áp suất hơi: tương đương 23 hPa
 (20 °C)
 Thông tin áp dụng đối với dung môi.

Tỷ trọng: tương đương 1.05 g/cm³
 (20 °C)

Tỷ trọng hơi (không khí): không áp dụng

Tính tan trong nước: có thể phân tán
 Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): không áp dụng đối với hỗn hợp chất

Tính nhớt, động lực: tương đương 271 mPa.s
 (20 °C, 100 1/s)

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:
 Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

Đặc điểm của hạt

Phân bố kích thước hạt: Chất/ sản phẩm được giới thiệu ra thị trường hay được sử dụng dưới hình thức không rắn hay bột. -

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Những điều kiện cần tránh:
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: 145 °C, 130 kJ/kg

Phân huỷ do nhiệt: 360 °C, 160 kJ/kg

Phân huỷ do nhiệt: Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1

Những chất cần tránh:
các tác nhân oxy hóa mạnh, các chất bazơ mạnh, các axit mạnh

Những phản ứng nguy hiểm:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:
Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): > 2,000 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)
Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 2.4 mg/l (OECD hướng dẫn 403)
Nồng độ cao nhất có sẵn để thí nghiệm. Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 5,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không kích ứng cho mắt và da.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Không có tác dụng mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
thí nghiệm Buehler được điều chỉnh chuột lang: Không làm mẫn cảm.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Thí nghiệm đột biến cho thấy không có khả năng độc tính gen.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 2,2'-iminodi(ethylamine)
Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không phát hiện dấu hiệu ung thư do hoá chất trên động vật sau khi gây bệnh mạn tính trên da.

Dưới những điều kiện nào đó, chất có thể tạo thành các nitrosamines. Nitrosamine là chất gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những chỉ số về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Ghi chú: Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc nhiều lần có thể ảnh hưởng đến các cơ quan nội tạng. Cơ quan đích: Gan, đường tiêu hóa và khoang mũi

Thông tin trên: 2,2'-iminodi(ethylamine)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Chất có thể là nguyên nhân gây tổn hại đến gan khi nhiều lần ăn phải với liều lượng cao, biểu hiện trong những nghiên cứu trên động vật. Chất có thể là nguyên nhân gây tổn hại đến thận khi nhiều lần ăn phải với liều lượng cao, biểu hiện trong những nghiên cứu trên động vật. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

Thông tin trên: (OLIGOMER) Hexamethylene diisocyanate isocyanurate-type oligomers

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sau khi tiếp xúc nhiều lần, tác động nổi bật là gây kích ứng cục bộ.

Nguy cơ khi hít vào

| không áp dụng

Thông tin độc tính liên quan khác

Sử dụng sai có thể làm nguy hại đến sức khỏe.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 1.06 mg/l, cá chép Cyprinus (OECD 203; ISO 7346; 92/69/EEC, C.1, tĩnh điện)

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 0.624 mg/l, Daphnia magna

Thực vật thủy sinh:

EC10 (72 h) 7.7 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Pseudokirchneriella subcapitata (Hướng dẫn OECD 201)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

EC50 (72 h) 27.7 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201)

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Độc mãn tính cho loài cá:

Nồng độ tác động không quan sát được (98 d) tương đương 0.00235 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD Guideline 210, Chảy qua.)

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 0.004 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 2, bán tĩnh)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Nồng độ tác động không quan sát được (31 d), 0.000365 mg/l, *Mysidopsis bahia*

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sau khi tiếp xúc với đất, hoá chất sẽ bị hấp thụ vào trong các hạt đất, do đó không gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Carbamic acid, [2-[[[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy]methyl]phenyl]methoxy-, methyl ester

Khả năng tích lũy sinh học:

Yếu tố nồng độ sinh học: 379 - 507, *Oncorhynchus mykiss* ()

Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể và được xử lý theo cách thức tương tự như chất/sản phẩm.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID:	UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (PYRACLOSTROBIN)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	9, EHSM
Nhóm đóng gói:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	Có
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Số UN hoặc số ID:	UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (PYRACLOSTROBIN)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	9, EHSM
Nhóm đóng gói:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	Có
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Ô nhiễm hàng hải: CÓ EmS: F-A; S-F

Sea transport

IMDG	
UN number or ID number:	UN 3082
UN proper shipping name:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (PYRACLOSTROBIN)
Transport hazard class(es):	9, EHSM
Packing group:	III
Environmental hazards:	yes
	Marine pollutant: YES
Special precautions for user:	EmS: F-A; S-F

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Số UN hoặc số ID: UN 3082

Tên vận chuyển thích
hợp của Liên Hợp
Quốc: ENVIRONMENTAL
LY HAZARDOUS
SUBSTANCE,
LIQUID, N.O.S.
(PYRACLOSTROBI
N)

Lớp nguy hiểm trong
vận chuyển: 9, EHSM

Nhóm đóng gói: III

Mối nguy hiểm về môi
trường: Có

Phòng ngừa đặc biệt
cho người dùng: Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

UN number or ID number: UN 3082

UN proper shipping
name: ENVIRONMENTAL
LY HAZARDOUS
SUBSTANCE,
LIQUID, N.O.S.
(PYRACLOSTROBI
N)

Transport hazard
class(es): 9, EHSM

Packing group: III

Environmental hazards: yes

Special precautions for
user: None known

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO

Không được vận chuyển đường biển số lượng
lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk according to IMO instruments

Maritime transport in bulk is not intended.

Thông tin bổ sung

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 L trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; IATA: A197; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2); 49 CFR: §171.4 (c) (2).

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Luật Hóa chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Seltima**

Phiên bản: 5.0

(30607315/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, tuân theo các hướng dẫn sử dụng.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.